

Số ~~43~~ /BC-SCT

Bắc Giang, ngày ~~14~~ tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 4 năm 2017

1. Tình hình thị trường

Tháng 4/2017, giá cả hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cơ bản ổn định, tuy nhiên với sự điều chỉnh giảm giá khí dầu mỡ hóa lỏng, xăng dầu nên đã tác động đến giá một số nhóm hàng. Theo số liệu của Cục thống kê tỉnh Bắc Giang, chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 04/2017 tăng 2,02% so với tháng trước và tăng 2,84% so với bình quân cùng kỳ, do tác động của một số nhóm hàng, cụ thể như sau: thuốc và dịch vụ y tế tăng 78,77% (tăng theo lộ trình theo Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC); may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,78%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,24%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%. Nhóm hàng chỉ số giảm: giao thông giảm 1,6%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,59%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,99%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,25%. Nhóm hàng bưu chính viễn thông; giáo dục; đồ uống và thuốc lá cơ bản vẫn ổn định so với tháng trước.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ toàn tỉnh tháng 04/2017 ước đạt 1.773.850,7 triệu đồng, tăng 0,9% so với tháng trước, trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.595.064,4 triệu đồng, tăng 1,01% so với tháng trước và tăng 14,39% so với bình quân cùng kỳ, trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 50.080 triệu đồng; kinh tế tập thể ước đạt 1.831 triệu đồng; kinh tế cá thể ước đạt 1.080.688,8 triệu đồng; kinh tế tư nhân ước đạt 462.464,6 triệu đồng;

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 120.585,8 triệu đồng, tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 8,16% so với bình quân cùng kỳ, trong đó: kinh tế tập thể ước đạt 30 triệu đồng; kinh tế cá thể ước đạt 109.083,8 triệu đồng; kinh tế tư nhân ước đạt 11.472 triệu đồng;

- Tổng doanh thu các hoạt động dịch vụ khác ước đạt 58.200,5 triệu đồng, tăng 0,33% so với tháng trước và tăng 11,23% so với bình quân cùng kỳ, trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 6.500 triệu đồng; kinh tế tập thể ước đạt 50 triệu đồng; kinh tế cá thể ước đạt 40.563,1 triệu đồng; kinh tế tư nhân ước đạt 9.637,4 triệu đồng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1.450 triệu đồng.

2. Diễn biến giá của một số nhóm hàng thiết yếu

- *Nhóm hàng lương thực:* Qua khảo sát tại một số chợ, cửa hàng lương thực trên địa bàn tỉnh cho thấy, giá bán lẻ các loại thực phẩm ổn định so với tháng trước, cụ thể giá bán: gạo Khang dân: 11.000-12.000đ/kg; gạo bông hồng Chũ (Lục

Ngạn): 15.000 đ/kg; gạo tám thơm Yên Dũng: 15.000-16.000đ/kg; gạo nếp: 20.000-25.000 đ/kg; gạo nếp Phì Điền (Lục Ngạn): 33.000 đ/kg.

- Nhóm hàng thực phẩm:

+ Thực phẩm tươi sống: Giá bán đa số các loại thực phẩm ổn định với tháng trước, tuy nhiên giá thịt lợn giảm từ 10.000đ-20.000đ/kg, cụ thể giá bán: thịt sản mổ, ba chỉ: 50.000-60.000đ/kg; thịt lợn thăn 60.000-70.000đ/kg; xương sườn lợn: 60.000-70.000 đ/kg; thịt thăn bò: 250.000 đ/kg; bắp bò: 280.000 đ/kg; cá chép: 80.000-100.000 đ/kg, cá chuối 100.000-130.000 đ/kg; gà ta lông: 80.000-100.000 đ/kg, gà ta mỡ sần 110.000-120.000 đ/kg; trứng gà ta: 35.000-40.000 đ/chục; trứng vịt 25.000-30.000 đ/chục.

+ Rau, củ, quả: Giá rau xanh các loại tại các chợ ổn định với tháng trước, cụ thể: rau muống, rau mùng tơi, cải xanh 2.500-3.000 đ/mớ; rau dền, rau cải xanh, rau ngót 3.000-3.500 đ/mớ; bí xanh 10.000-11.000đ/kg, khoai tây 15.000-16.000 đ/kg; cà chua: 12.000-15.000 đ/kg.

- *Mặt hàng xăng dầu:* Trong tháng, do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới, nên giá bán lẻ xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh 02 lần (lần 1 giảm giá xăng dầu vào ngày 05/4; lần 2 tăng giá xăng dầu vào ngày 20/4), cụ thể giá điều chỉnh lần 2 như sau: xăng RON 92 tăng 350 đồng/lít, xăng E5 tăng 350 đồng/lít, dầu diesel 0.05S tăng 350 đồng/lít, dầu hỏa tăng 350 đồng/lít, dầu mazut tăng 350 đồng/kg. Chi tiết giá bán lẻ của một số mặt hàng ở thời điểm hiện tại như sau: xăng RON 92: 17.583 đồng/lít; xăng E5: 17.382 đồng/lít; dầu diesel 0,05S: 13.819 đồng/lít; dầu hỏa: 12.338 đồng/lít; dầu mazut: 10.966 đồng/kg.

- *Mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG):* Do tác động của giá CP, giá LPG giảm 25.000 đồng/ bình 12kg.

(giá chi tiết một số mặt hàng có biểu kèm theo)

- Giá vàng và đô la Mỹ:

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh chỉ số giá vàng tháng 04/2017 tăng 0,15% so với tháng trước và tăng 6,39% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, đến nay giá vàng 99,99 trên thị trường tỉnh Bắc Giang giao động ở mức 3.450.000 - 3.500.000 đ/chỉ (mua vào - bán ra).

Tỷ giá đô la Mỹ tháng 04/2017 giảm 0,35% so với tháng trước và tăng 1,27% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, tỷ giá đô la Mỹ niêm yết tại các ngân hàng thương mại giao động ở mức 22.700 - 22.780 VND/USD (mua vào - bán ra).

3. Dự báo giá cả thị trường tháng tới

- Một số mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) sẽ tiếp tục có những biến động tăng, giảm theo tác động của thị trường thế giới.

- Giá vàng và tỷ giá đô la Mỹ tiếp tục có sự biến động tăng, giảm theo thị trường thế giới.

4. Một số giải pháp bình ổn thị trường

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, giá cả, kịp thời đề xuất với UBND tỉnh, Bộ Công Thương các giải pháp bình ổn giá cả thị trường.

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng. Đặc biệt chú trọng kiểm tra, ngăn chặn việc vận chuyển, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm và sản phẩm từ gia súc, gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh./.

Nơi nhận:

- Sở Công Thương một số tỉnh, TP;
- Lưu: VT, phòng QLTM.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- cungcau@moit.gov.vn (b/c);
- Chi cục QLTT;
- Trung tâm XTTM.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Xuân Cường

ỦY NGH
3
HƯƠNG
C. GIAM



BẢN LÊ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU
Trên thị trường tỉnh Bắc Giang tháng 04 năm 2017

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước (kỳ trước)	Tháng báo cáo	Mức tăng giảm
1	Gạo Khang Dân	đ/kg	12.000	12.000	-
2	Gạo tám thơm (Yên Dũng)	đ/kg	16.000	16.000	-
3	Ngô hạt	đ/kg	7.500	7.500	-
4	Đậu xanh loại I	đ/kg	45.000	45.000	-
5	Thịt lợn nạc thăn	đ/kg	80.000	60.000	-20.000
6	Thịt lợn sản phẩm	đ/kg	70.000	50.000	-20.000
7	Cá chép 1kg/con trở lên	đ/kg	80.000	80.000	-
8	Gà ta 1kg trở lên (gà lông)	đ/kg	90.000	90.000	-
9	Thịt bò	đ/kg	270.000	270.000	-
10	Đường RE	đ/kg	18.000	18.000	-
11	Sữa hộp đặc nhãn Ông Thọ	đ/hộp	20.000	20.000	-
12	Dầu ăn Neptuyn	đ/lít	44.000	45.000	-
13	Muối iốt tinh	đ/kg	6.000	6.000	-
14	Muối iốt Hải Châu 250g/túi	đ/túi	4.000	4.000	-
15	Mỳ chính AJNOMOTO 1kg/túi	đ/túi	58.000	58.000	-
16	Nước mắm Nam Ngư	đ/chai	20.500	20.500	-
17	Trứng vịt	đ/quả	3.500	3.500	-
18	Trứng gà ta	đ/quả	3.500	3.500	-
19	Giấy tập kẻ ngang loại 72 trang	đ/tập	7.000	7.000	-
20	Xà phòng ô tô	đ/túi	48.000	48.000	-
21	Xăng RON 92	đ/lít	17.233	17.583	+350
22	Xăng E5	đ/lít	17.032	17.382	+350
23	Mazut	đ/kg	10.616	10.966	+350
24	Dầu diesel 0,05s	đ/lít	13.469	13.819	+350
25	Dầu hỏa	đ/lít	11.988	12.338	+350
26	Đạm urê Hà Bắc	đ/kg			-
27	Xi măng Hoàng Thạch	đ/kg			-
28	Thép Φ 6, Φ 8	đ/kg			-
29	Gas Shell gas (loại 12kg/bình)	đ/bình	375.000	350.000	-25.000

